

**PHỤ LỤC : CÁC CHUYÊN ĐỀ TRUNG TÂM ĐA TUYẾN THÔNG BÁO DỮ LIỆU THÁNG 12
NĂM 2024 CẦN KIỂM TRA, GIÁM ĐỊNH**

(Kèm theo Công văn số/BHXH-GĐBHYT ngày tháng năm 2025 của BHXH tỉnh Đồng Nai)

STT	Mã Cơ sở	Mã Cơ sở cha	Tên cơ sở	Tổng số tiền cần kiểm tra, rà soát
				368,700,273
1	75001	75001	Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	29,919,679
2	75002	75002	Bệnh viện đa khoa Thống Nhất	22,431,212
3	75003	75003	Trung tâm y tế TP Biên Hòa	846,870
4	75005	75005	Bệnh viện Phổi Đồng Nai	5,200
5	75008	75008	Bệnh viện đa khoa KV Long Thành	1,451,838
6	75009	75009	Bệnh viện đa khoa KV Long Khánh	4,237,597
7	75010	75020	Trạm y tế xã Đại Phước	58,590
8	75011	75011	Bệnh viện đa khoa KV Định Quán	17,710,878
9	75012	75012	Trung tâm y tế huyện Trảng Bom	22,094,904
10	75013	75013	Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc	2,008,386
11	75014	75014	Trung tâm Y tế huyện Tân Phú	3,885,828
12	75015	75015	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Cửu	1,558,578
13	75019	75096	Phòng Khám Đa Khoa KV Sông Ray	575,924
14	75020	75020	Trung tâm Y tế huyện Nhơn Trạch	2,560,739
15	75021	75021	Bệnh viện Quân Y 7 B	747,791
16	75022	75022	Bệnh viện Nhi Đồng Đồng Nai	5,529,278
17	75026	75026	Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất	2,510,630
18	75030	75030	Bệnh viện Đa khoa Cao su Đồng Nai	8,626,695
19	75033	75011	Trạm y tế xã Phú Ngọc	1,075
20	75087	75299	Trạm y tế xã Phước Bình	13,300
21	75088	75299	Trạm y tế xã Bàu Cạn	47,500
22	75092	75096	Trạm y tế xã Xuân Mỹ	1,450
23	75096	75096	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ	2,238,144
24	75097	75096	Trạm y tế xã Xuân Quế	89,580
25	75100	75009	Trạm y tế xã Xuân Tân	2,030
26	75103	75009	Trạm y tế phường Bàu Sen	48,750
27	75105	75009	Trạm y tế phường Bảo Vinh	98,124
28	75106	75009	Trạm y tế xã Bảo Quang	32,500
29	75110	75014	Trạm y tế xã Phú Điền	1,344
30	75113	75014	Trạm y tế xã Phú Thanh	6,020
31	75116	75014	Trạm y tế xã Phú Bình	1,920
32	75124	75014	Trạm y tế xã Thanh Sơn	2,150
33	75132	75020	Trạm y tế xã Phú Hữu	64,000
34	75139	75011	Trạm y tế xã Phú Hòa	2,150
35	75127	75020	Trạm y tế xã Vĩnh Thanh	670,550
36	75135	75020	Trạm y tế xã Phước An	41,013
37	75136	75020	Trạm y tế xã Long Thọ	29,295
38	75161	75013	Trạm y tế xã Xuân Bắc	2,016
39	75184	75184	Phòng Khám Đa Khoa Liên Chi	13,550
40	75187	75187	Phòng Khám Đa Khoa Hoàng Anh Đức	15,302
41	75196	75012	Trạm y tế xã Sông Trầu	113,337
42	75198	75026	Trạm y tế xã Hưng Lộc	132,013
43	75202	75026	Trạm y tế xã Gia Tân 3	48,750
44	75203	75026	Trạm y tế xã Gia Kiệm	71,500

STT	Mã Cơ sở	Mã Cơ sở cha	Tên cơ sở	Tổng số tiền cần kiểm tra, rà soát
45	75204	75026	Trạm y tế xã Quang Trung	41,013
46	75205	75009	Trạm y tế xã Bàu Trâm	41,395
47	75232	75232	Bệnh viện Y dược cổ truyền Đồng Nai	19,894,522
48	75239	75015	Trạm y tế xã Phú Lý	15,910
49	75243	75096	Trạm y tế xã Nhân Nghĩa	1,450
50	75248	75248	Phòng Khám Đa Khoa Y Đức	545,444
51	75250	75250	Phòng Khám Đa Khoa Quốc Tế Long Bình	34,816
52	75252	75252	Phòng Khám Đa Khoa ái Nghĩa Đồng Khởi	2,723,909
53	75254	75254	Phòng Khám Đa Khoa Dân Y	504,578
54	75255	75255	Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Nguyễn A	100,820
55	75257	75257	Phòng Khám Đa Khoa Sinh Hậu	602,090
56	75258	75258	Bệnh Viện Đa Khoa Tâm Hồng Phước	127,110
57	75259	75259	Phòng Khám Đa Khoa Y Đức Trị An	285,860
58	75260	75260	Phòng Khám Đa Khoa Ái Nghĩa Long Thành	1,857,637
59	75263	75263	Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai	4,842,293
60	75265	75265	Phòng khám đa khoa Hoàng Dũng	9,590
61	75266	75266	Bệnh viện Quốc tế chấn thương chỉnh hình Sài G	2,023,193
62	75267	75267	Phòng Khám Đa Khoa Y Sài Gòn	836,400
63	75269	75269	Phòng khám đa khoa Phúc Trạch	93,899
64	75270	75270	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA ÁI NGHĨA NHƠN	2,368,998
65	75273	75273	Phòng Khám Đa Khoa Trường Cao Đẳng Y Tế Đồng Nai	2,466
66	75276	75276	Phòng khám đa khoa Quốc tế Long Bình - Chi nhánh Trảng Bom	9,996
67	75278	75278	Phòng khám đa khoa Duy Khang	37,344
68	75279	75279	Phòng khám đa khoa Ái Nghĩa Biên Hòa	839,623
69	75280	75280	Phòng khám đa khoa Ân khánh Sài Gòn	712,593
70	75281	75281	Phòng khám đa khoa Ái Nghĩa Long Khánh	396,430
71	75282	75282	Phòng khám đa khoa Sài Gòn Long Khánh	8,663
72	75283	75283	Phòng khám đa khoa Thành Tâm	73,823
73	75284	75284	Phòng khám đa khoa Tâm Bình An	150,498
74	75287	75287	Phòng khám đa khoa Sài Gòn Tam Phước	37,570
75	75289	75289	Phòng khám đa khoa Thiện Nhân	192,378
76	75291	75291	Phòng khám đa khoa Sài Gòn Tâm Trí	752,519
77	75292	75292	Phòng khám đa khoa Hoàng Tiến Dũng	20,917,840
78	75294	75294	Bệnh viện Đại học Y Dược Shing Mark	3,838,496
79	75295	75295	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Dịch Vụ Y tế Tam Phước	70,395,895
80	75296	75296	Phòng khám đa khoa Tâm An Pouchen - Chi nhánh Công ty TNHH Y khoa Tâm Anh	31,697
81	75297	75297	Công ty TNHH Phòng khám đa khoa An Phúc Sài Gòn	1,704,386
82	75298	75298	Phòng khám đa khoa Việt Hương	45,324
83	75299	75299	Phòng Khám đa khoa - Trung tâm Y tế huyện Long Thành	43,706
84	75300	75300	Phòng Khám Đa Khoa Ái Nghĩa Xuân Lộc	2,843,480
85	75301	75301	Phòng khám đa khoa Dân Y Biên Hòa	735,216
86	75302	75302	Phòng khám Đa khoa Đông Sài Gòn - VSLĐ	223,033
87	75406	75406	Phòng khám đa khoa Quốc tế An Sinh	27,464
88	75408	75408	Phòng Khám Đa Khoa Tâm Y Sài Gòn	12,580

STT	Mã Cơ sở	Mã Cơ sở cha	Tên cơ sở	Tổng số tiền cần kiểm tra, rà soát
89	75411	75411	Phòng khám đa khoa Y Dược Miền Đông Sài Gòn	349,761
90	75412	75412	Phòng khám đa khoa Ái nghĩa Thanh Phú	225,768
91	75414	75414	Phòng khám đa khoa Hoàng Anh Đức Long Thành	40,000
92	75419	75419	Phòng khám đa khoa Tâm Anh	32,790
93	75420	75420	Phòng khám đa khoa Hoàng Tiến Dũng 1	24,598,040
94	75421	75421	Bệnh Viện Đồng Nai -2	4,463,997
95	75422	75422	Phòng khám đa khoa Đại Phước	1,419,809
96	75433	75433	Phòng khám đa khoa Hoàng Gia Tam Phước	86,392
97	75434	75434	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH DV Y tế Tam Phước – Chi nhánh Nhơn Trạch	81,600
98	75436	75436	Phòng khám đa khoa Nhân Ngọc	98,600
99	75437	75437	Phòng khám đa khoa An Bình CLINIC	2,380
100	75440	75440	Phòng khám đa khoa Việt Hương - Chi nhánh Tân Phú	974,134
101	75445	75445	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA ÁI NGHĨA NGÃ TƯ VŨNG TÀU	117,614
102	75446	75446	PKĐK MEDICAL TÂM ĐỨC	340,639
103	75449	75449	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA NHÂN ÁI SÀI GÒN	308,617
104	75450	75450	Phòng khám đa khoa Dân Y - Chi nhánh Trảng Dài	929,192
105	75451	75451	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA NAM THÀNH PHÁT	8,670
106	75452	75452	Phòng Khám Đa Khoa Y Dược Sài Gòn Medical	43,639
107	75453	75453	Công ty TNHH DV Y Tế Tam Phước - Chi Nhánh Trảng Bom	62,558,509
108	75455	75455	Phòng khám đa khoa Vạn Thành Sài Gòn	54,411
109	75456	75456	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA Y ĐỨC TRẢNG BOM	52,190
110	75459	75459	Phòng khám đa khoa Thiện Nhân - Chi nhánh 2(75459)	201,327
111	75460	75460	Phòng khám đa khoa Quốc Tế An Việt	84,000
112	75461	75461	Phòng khám đa khoa Việt Hương Phú Túc	96,268

PHỤ LỤC: DANH SÁCH CHUYÊN ĐỀ THÔNG BÁO THÁNG 12 NĂM 2024 CẦN KIỂM TRA, GIÁM ĐỊNH

(Kèm theo Công văn số /BHXH-GDBHYT ngày tháng năm 2025 của BHXH tỉnh Đồng Nai)

STT	Mã CD	Mã lý do từ chối	Nội dung chuyên đề	Số tiền thông báo
1	KT236	S.025.528	Thanh toán chi phí các dịch vụ kỹ thuật thủy châm do người chỉ định hoặc người thực hiện không đúng chức danh chuyên môn của người hành nghề được quy định tại Điều 11 Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của luật khám bệnh, chữa bệnh.	200,429,920
2	KT237	S.014.795	Thanh toán giường điều trị nội trú ban ngày tại cơ sở khám bệnh chữa bệnh YHCT không đúng quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BYT ngày 01/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc thực hiện điều trị nội trú ban ngày tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền và Công văn số 4712/BYT-YDCT ngày 15/ 8/ 2019 hướng dẫn thực hiện Thông tư số 01/2019/TT-BYT	30,831,372
3	KT01_4	S.005.434	Thanh toán dịch vụ Vi khuẩn nuôi cấy định danh, không thanh toán thêm DVKT Vi khuẩn nhuộm soi	7,989,595
4	KT01_17	S.005.434	Thanh toán Phẫu thuật ngoại khoa các loại, không thanh toán thêm Đặt sonde bàng quang	94,300
5	KT01_18	S.005.434	Thanh toán dịch vụ nội soi can thiệp dạ dày tá - tràng không thanh toán thêm Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng	204,000
6	KT01_19	S.005.434	Thanh toán dịch vụ can thiệp ống tiêu hóa, không thanh toán thêm dịch vụ Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm	-
7	KT01_21	S.005.434	Thanh toán dịch vụ Nội soi tán sỏi niệu quản các loại, không thanh toán thêm Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sond JJ)	743,200
8	KT02P1	S.005.651	Thanh toán dịch vụ HbA1C không đúng chỉ định theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BYT	8,823,000
9	KT04	S.005.658	Không thanh toán dịch vụ Điều trị tủy răng khi không chụp Xquang xác định hệ thống ống tủy (do không đúng hướng dẫn tại Quyết định số 3207/QĐ-BYT)	3,345,800
10	KT05	S.015.48	Thanh toán sai mức giá tiền giường ngoại khoa sau phẫu thuật không đúng phân loại phẫu thuật được quy định tại Thông tư số 50/2014/TTBYT	7,201,775
11	KT08	T.008.667	Thanh toán sai tỷ lệ đối với phẫu thuật thứ 2 trở đi trong cùng một lần phẫu thuật (do không đúng hướng dẫn tại Thông tư số 22/2023/TTBYT)	4,393,650
12	KT102	S.004.602	Thanh dịch vụ chạy thận nhân tạo, không thanh toán thêm thuốc chống đông hoạt chất Enoxaparin (natri) hoặc Heparin (natri) do đã có trong cơ cấu giá kỹ thuật chạy thận nhân tạo.	1,230,249
13	KT144	S.005.430	Thanh toán dịch vụ kỹ thuật tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch, tháo bột các loại, cắt chỉ... trong điều trị ngoại trú, không thanh toán trong điều trị nội trú.	64,080
14	KT166	S.005.658	Thanh toán dịch vụ “Hút đờm qua ống nội khí quản/canuy n mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy)” khi người bệnh có thở máy, không thanh toán đối với người bệnh không sử dụng DVKT thở máy các loại	1,542,800
15	KT167	S.025.529	Chi phí thuốc hóa được trong điều trị ngoại trú tại các cơ sở KCB tuyến 1, tuyến 2 và tuyến 3 do Y sỹ kê đơn, không đúng quy định tại khoản 2 Điều 2 và khoản 7, Điều 4 Thông tư số 52/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017	210,176
16	KT189_2	S.005.434	Thanh toán dịch vụ "thực hiện lập trình máy tạo nhịp", không thanh toán thêm dịch vụ điện tim	28,320
17	KT193	S.005.657	Thanh toán dịch vụ Monitoring sản khoa, không đúng quy định Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 và Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y tế	44,000
18	KT217	S.005.434	Thanh toán siêu âm hệ tiết niệu hoặc siêu âm tử cung phân phụ đồng thời với siêu âm ổ bụng, không đúng quy trình kỹ thuật số thứ tự 73 Quyết định số 3805/QĐ-BYT ngày 25/9/2014 của Bộ Y tế tài liệu “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật nội khoa, chuyên ngành tiêu hóa”.	5,620,200
19	KT219	S.005.434	Thanh toán Oxy khi thanh toán đồng thời với dịch vụ thở máy do đã kết cấu chi phí Oxy trong giá dịch vụ, không đúng điểm c khoản 2 Điều 3 Thông tư số 22/2023/TT-BYT	3,665,185
20	KT221	S.015.478	Thanh toán số ngày giường điều trị nội trú không đúng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 22/2023/TTBYT.	15,928,544
21	KT223	S.013.458	Thanh toán tiền khám bệnh đối với người bệnh khám bệnh và vào điều trị nội trú tại khoa cấp cứu, không đúng quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 22/2023/TT-BYT	58,100
22	KT230	S.015.481	Thanh toán tiền giường bệnh đối với các trường hợp người bệnh điều trị nhiều bệnh cùng lúc tại các khoa theo hình thức liên chuyên khoa không đúng quy định tại Khoản 13 Điều 6 Thông tư số 22/2023/TT-BYT	10,538,150
23	KT232	S.013.2471	Thanh toán tiền khám bệnh không đúng quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 22/2023/TT-BYT tại các cơ sở KCB chưa được phân hạng: phòng khám quân y, phòng khám quân dân y, bệnh xá quân y, bệnh xá; phòng khám đa khoa, chuyên khoa tư nhân.	6,400
24	KT25	S.005.649	Thanh toán dịch vụ “Bơm thông lệ đạo” đối với người bệnh không có bệnh chít hẹp điểm lệ, tắc lệ quản ngang hoặc ống lệ mũi.	61,900

STT	Mã CD	Mã lý do từ chối	Nội dung chuyên đề	Số tiền thông báo
25	KT45	S.005.649	Thanh toán dịch vụ PHCN trong điều trị thoái hóa cột sống cô/cột sống thắt lưng: Hồng ngoại, đắp paraffin, ...không đúng hướng dẫn tại Quyết định số 3109/QĐ-BYT chẩn đoán, điều trị chuyên ngành PHCN	2,872,920
26	KT63	S.004.605	Thanh toán thuốc có chứa hoạt chất Acid amin + glucose + lipid, Acid amin + glucose + lipid + điện giải không đúng hướng dẫn sử dụng đối với các trường hợp <u>chống chỉ định</u>	1,275,000
27	KT64	S.005.658	Thanh toán DV Nội soi có sinh thiết (Nội soi thực quản dạ dày tá tràng, nội soi ổ bụng,...) nhưng không làm xét nghiệm giải phẫu mô bệnh học, điều chỉnh về mức giá của các DV nội soi không sinh thiết	925,200
28	KT79	S.005.653	Thanh toán các DVKT phục hồi chức năng đối với các trường hợp chống chỉ định cho người bệnh có khối u ác tính (ung thư) theo quy định tại Quyết định số 54/QĐ-BYT và Quyết định số 5737/QĐ-BYT “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành phục hồi chức năng”, Quyết định số 26/QĐ-BYT quy trình kỹ thuật y học cổ truyền	1,667,435
29	KT84	S.005.653	Chỉ định dịch vụ Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng đối với bệnh nhân chẩn đoán suy tim, không đúng quy định tại Quyết định số 3805/QĐ-BYT Hướng dẫn quy trình kỹ thuật nội khoa chuyên ngành tiêu hóa	255,000
30	KT93	S.005.429	Xét nghiệm “Định lượng Pro-calcitonin [Máu]” chỉ định không đúng khoảng cách hoặc xét nghiệm “Định lượng CRP/CRPs” thanh toán đồng thời với “Định lượng Pro-calcitonin [Máu]” không đúng quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BYT	3,356,100
31	KT95	S.005.434	Thanh toán dịch vụ Chọc sinh thiết u, hạch dưới hướng dẫn siêu âm, Sinh thiết tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm, Tiêm khớp dưới hướng dẫn siêu âm ...không thanh toán thêm dịch vụ Siêu âm	1,141,295
32	TH01	S.004.369	Thanh toán thuốc chứa hoạt chất Peptid không đúng quy định tại Thông tư số 20/2022/TT-BYT ((Cerebrolysin, Citicolin, Choline alfoscerat) chỉ định sử dụng đối với người bệnh không mắc các bệnh: bệnh đột quỵ cấp tính; Sau chấn thương và phẫu thuật chấn thương sọ não; Sau phẫu thuật thần kinh sọ não)	892,584
33	TH04	S.004.604	Thanh toán thuốc Xatral (số đăng ký VN-14355-11, VN-5617-10) chỉ định sử dụng <u>không đúng chỉ định tại tờ hướng dẫn sử dụng</u>	1,584,471
34	TH19	S.004.369	Thanh toán thuốc ginkgo biloba chỉ định không đúng quy định tại Thông tư số 20/2022/TT-BYT: Điều trị đau do viêm động mạch (đau thắt khi đi), Rối loạn thị giác (bệnh võng mạc do tiểu đường), Tai mũi họng (chóng mặt, ù tai, giảm thính lực), rối loạn tuần hoàn thần kinh cảm giác do thiếu máu cục bộ, hội chứng <u>Ravnaud</u>	572,340
35	TH21	S.004.369	Thanh toán thuốc Diacerein chỉ định sử dụng không đúng quy định Thông tư số 20/2022/TT-BYT: Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán điều trị thoái hóa khớp hông hoặc gối.	1,699,590
36	TH28	S.004.604	Thanh toán hoạt chất Moxifloxacin chỉ định sử dụng không phù hợp với tờ hướng dẫn sử dụng	1,086,400
37	TH32	S.004.369	Thanh toán thuốc Alphachymotrypsin chỉ định sử dụng không đúng quy định Thông tư số 20/2022/TT-BYT	7,398,734
38	TH51	S.004.369	Thanh toán thuốc Cao toàn phần không xà phòng hóa quả bơ, Cao toàn phần không xà phòng hóa dầu đậu nành chỉ định sử dụng không đúng quy định tại Thông tư số 05/2015/TT-BYT	330,000
39	TH60	S.004.604	Thanh toán thuốc có hoạt chất Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon chỉ định sử dụng không phù hợp với tờ hướng dẫn sử dụng	4,159,049
40	TH65	S.004.604	Thanh toán thuốc có hoạt chất Sylimarín (mã thuốc 40.751): thuốc Silygamma, Carsil 90mg, Fynkhepar chỉ định sử dụng không phù hợp với chỉ định trong tờ hướng dẫn sử dụng	437,800
41	TH72	S.004.369	Thanh toán các thuốc chứa hoạt chất "Omeprazol mã chi phí (40.677); Esomeprazol mã chi phí (40.678); Pantoprazol mã chi phí (40.679); Rabeprazol mã chi phí (40.680) không đúng quy định tại Thông tư số 20/2022/TT-BYT	22,296,110
42	TH77	S.004.605	Thanh toán thuốc Melanov-M, số đăng ký VN-20575-17 chỉ định sử dụng không đúng tờ hướng dẫn sử dụng về chống chỉ định	9,506,080
43	TH90	S.004.605	Thanh toán chi phí thuốc Tioga (VD-29197-18) trong các trường hợp: đái tháo đường, viêm tắc mạch không đúng tờ hướng dẫn sử dụng về chống chỉ định	562,912
44	TH97	S.004.605	Thanh toán thuốc Diclofenac không đúng điều kiện chỉ định theo nội dung tại Phụ lục III Công văn số 5749/QLD-ĐK ngày 27/4/2017 của Cục Quản lý Dược về cập nhật hướng dẫn sử dụng	902,560

STT	Mã CĐ	Mã lý do từ chối	Nội dung chuyên đề	Số tiền thông báo
45	TH98	S.004.605	Thuốc Caldihasan, Calcidvn, Abricotis... (mã chi phí 40.1033) không đúng hướng dẫn tại tờ hướng dẫn sử dụng thuốc trong các trường hợp có CĐ sử dụng	2,723,976
	Tổng cộng			368,700,273